



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính riêng cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 24 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa Ông Nguyễn Thanh Ngừ Ông Trầm Kim Dũng Ông Phan Vũ Hùng Bà Hoàng Thị Thu Huyền	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 13 tháng 6 năm 2014)
--------------------------	--	---

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng Ông Nguyễn Thanh Ngừ Ông Vũ Thành Châu Ông Trần Quốc Thảo Ông Nguyễn Tiến Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 3 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 9 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 9 năm 2014)
--------------------------	---	--

Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lưu Mạnh Thúc Ông Bùi Tấn Khải	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm Xã Ninh Xuân Thị xã Ninh Hòa Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 11 tháng 9 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Vah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 9 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-327

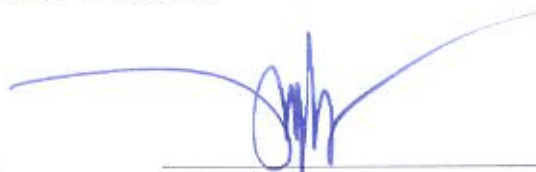



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2014

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.179.354.566.897	775.262.646.033
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.932.166.208	318.718.104.135
Tiền	111		19.932.166.208	13.718.104.135
Các khoản tương đương tiền	112		-	305.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	23.200.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu	130	7	784.699.933.427	312.024.147.352
Phải thu khách hàng	131		350.503.090.878	161.517.793
Trả trước cho người bán	132		127.665.221.217	296.166.519.949
Các khoản phải thu khác	135		306.857.297.692	15.977.495.212
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(325.676.360)	(281.385.602)
Hàng tồn kho	140	8	343.597.152.010	53.762.059.406
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.925.315.252	20.758.335.140
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		959.119.791	547.083.481
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.620.673.979
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		709.218.291	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.256.977.170	9.590.577.680
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		741.997.779.137	882.060.564.288
Tài sản cố định	220		341.434.946.866	503.207.024.910
Tài sản cố định hữu hình	221	9	331.452.211.217	243.098.880.889
Nguyên giá	222		468.493.202.550	358.798.491.191
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.040.991.333)	(115.699.610.302)
Tài sản cố định vô hình	227	10	316.966.830	9.881.956.831
Nguyên giá	228		637.230.534	11.180.874.439
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(320.263.704)	(1.298.917.608)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	9.665.768.819	250.226.187.190
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	387.834.434.709	373.994.434.709
Đầu tư vào các công ty con	251		131.406.800.187	131.406.800.187
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		179.525.027.902	155.525.027.902
Đầu tư dài hạn khác	258		109.101.234.798	109.101.234.798
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(32.198.628.178)	(22.038.628.178)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn khác	260		12.728.397.562	4.859.104.669
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.659.897.562	4.750.604.669
Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	108.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.921.352.346.034	1.657.323.210.321
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.067.913.973.248	822.155.882.027
Nợ ngắn hạn	310		915.284.925.311	671.654.665.368
Vay ngắn hạn	311	14	711.400.179.612	578.726.345.607
Phải trả người bán	312	15	77.650.872.646	63.895.514.658
Người mua trả tiền trước	313		136.571.044	194.162.230
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	18.024.470.609	6.992.529.234
Phải trả người lao động	315		10.851.139.921	7.904.591.100
Chi phí phải trả	316	17	29.770.053.925	1.688.905.435
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	59.884.242.094	5.100.983.553
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	7.567.395.460	7.151.633.551
Vay và nợ dài hạn	330		152.629.047.937	150.501.216.659
Vay và nợ dài hạn	334	20	152.629.047.937	150.501.216.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		853.438.372.786	835.167.328.294
Vốn chủ sở hữu	410	21	853.438.372.786	835.167.328.294
Vốn cổ phần	411	22	607.500.000.000	607.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	12.165.550.000	12.132.550.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		111.993.139.098	109.220.527.995
Quỹ dự phòng tài chính	418		18.371.956.237	15.599.345.134
Lợi nhuận chưa phân phối	420		103.407.727.451	90.714.905.165
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.921.352.346.034	1.657.323.210.321

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	209.345.880	283.083.002

Ngày 11 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên



Tổng Giám đốc



Trâm Kim Dũng

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	635.083.305.343	1.016.043.162.937
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	845.861.355
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	635.083.305.343	1.015.197.301.582
Giá vốn hàng bán	11	25	515.856.793.298	859.929.293.677
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		119.226.512.045	155.268.007.905
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	16.417.664.660	33.813.800.389
Chi phí tài chính	22	27	35.215.296.636	41.000.198.866
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.570.492.372	30.746.293.807
Chi phí bán hàng	24		9.190.460.397	22.315.154.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.629.495.921	35.838.969.045
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		70.608.923.751	89.927.486.130
Thu nhập khác	31	28	4.210.152.821	45.327.311.815
Chi phí khác	32	29	3.550.850.747	35.889.217.758
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		659.302.074	9.438.094.057
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.268.225.825	99.365.580.187
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	15.816.003.765	20.981.126.199
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		55.452.222.060	78.384.453.988
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	913	2.466

Ngày 11 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - DN**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		71.268.225.825	99.365.580.187
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		19.301.582.220	35.747.103.855
Các khoản dự phòng	03		10.204.290.758	9.075.100.143
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(16.408.693.317)	(33.159.763.916)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		507.950.890	(5.364.416.414)
Chi phí lãi vay	06		24.570.492.372	30.746.293.807
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		109.443.848.748	136.409.897.662
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(258.131.173.959)	(59.372.912.885)
Biến động hàng tồn kho	10		(289.835.092.604)	9.653.533.953
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		51.351.482.586	3.057.085.709
Biến động chi phí trả trước	12		172.660.735	(2.388.253.577)
			(386.998.274.494)	87.359.350.862
Tiền lãi vay đã trả	13		(19.535.354.703)	(31.660.421.378)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(7.916.699.240)	(17.826.343.821)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.314.371.218)	(11.169.194.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(419.764.699.655)	26.703.391.611

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.277.940.023)	(337.814.582.043)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		671.250.000	38.139.167.045
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	25		(27.085.078.050)	(193.943.959.184)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác và tiền gửi có kỳ hạn	26		46.800.000.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		20.068.864.518	28.948.986.716
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(13.822.903.555)	(464.670.387.466)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	303.548.120.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		920.224.596.430	1.450.334.650.965
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(785.422.931.147)	(989.917.362.222)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(45.562.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		134.801.665.283	718.402.908.743
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(298.785.937.927)	280.435.912.888
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		318.718.104.135	38.282.191.247
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	19.932.166.208	318.718.104.135

Ngày 11 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Thị Như Hiếu	Ngô Thị Thu Trang	Võ Thị Thủy Tiên	Trần Kim Dũng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các Cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Và Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 410 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 504 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính đính kèm là báo cáo tài chính riêng mà trong đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khoản dự phòng giảm giá, nếu có, để ghi giảm nguyên giá xuống bằng giá trị có thể thực hiện được ước tính của các khoản đầu tư này. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty con. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, các số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng mà phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (giai đoạn 12 tháng) không thể so sánh được với các số liệu của giai đoạn hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước trong chi phí trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 đến 28 năm.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính trước hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(v) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	32.726.504	238.515.295
Tiền gửi ngân hàng	19.899.439.704	13.479.588.840
Các khoản tương đương tiền	-	305.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	19.932.166.208	318.718.104.135

Không có các khoản tiền và tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 200 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung vay với thời gian đáo hạn là một năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm lần lượt là 6,5% và 7% trong kỳ (2013: lần lượt là 8% và 7% một năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 22 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

7. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại	244.114.779.625	-
Phi thương mại	297.534.666.293	6.874.117.060

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là từ 7 đến 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và hưởng lãi suất trả chậm một năm bằng 150% lãi suất của ngân hàng thương mại được chỉ định từ 8% đến 8,2%.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 124.916 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 168.070 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty với giá trị ghi sổ là 106 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản trả trước cho người bán của Công ty với giá trị ghi sổ là 72 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 168.070 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, Công ty đã căn trừ tổng cộng 322.582 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (2013: 358.809 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chuyển giao dự án nhiệt điện bã mía cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (*)	230.383.897.177	-
Chuyển giao bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (*)	56.797.200.000	-
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Mía đường 333	-	4.210.777.200
Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (**)	5.679.720.000	5.679.720.000
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (***)	3.085.078.050	-
Chi trả hộ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	6.586.961.173	2.663.339.860
Khoản phải thu từ thanh lý tài sản cố định	1.828.750.000	-
Lãi phải thu từ ngân hàng	-	1.379.294.444
Lãi phải thu do thanh toán chậm	1.590.608.776	-
Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay	339.291.667	-
Phải thu khác	565.790.849	2.044.363.708
	306.857.297.692	15.977.495.212

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (*) Trong kỳ, Công ty đã chuyển giao máy móc và thiết bị liên quan đến dự án nhiệt điện bã mía và bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”), một công ty con. Các máy móc và thiết bị này đã được Nhiệt điện Ninh Hòa đưa vào sử dụng trong kỳ.
- (**) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Công ty thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Bộ máy phát điện bằng tua bin đã được chuyển giao cho Nhiệt điện Ninh Hòa (xem (*)). Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Công ty trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.
- (***) Trong kỳ, Công ty đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu cũng như chưa thực hiện việc mua các cổ phiếu này.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	10.385.615.745	14.164.180.297
Công cụ và dụng cụ	36.955.903	45.720.543
Sản phẩm dở dang	527.625.073	7.088.358.801
Thành phẩm	319.255.740.853	32.176.775.382
Hàng hóa	13.391.214.436	287.024.383
	343.597.152.010	53.762.059.406

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 343.597 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.177 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	36.139.503.078	308.749.641.067	11.907.924.942	2.001.422.104	358.798.491.191
Tăng trong kỳ	1.732.728.182	1.137.026.196	949.545.455	151.191.000	3.970.490.833
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.894.198	105.507.478.344	-	-	105.581.372.542
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	31.059.284	627.202.502	-	42.272.727	700.534.513
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	844.867.194	2.709.469.787	-	122.781.818	3.677.118.799
Thanh lý	-	(945.000.000)	(3.002.601.200)	-	(3.947.601.200)
Xóa sổ	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Số dư cuối kỳ	38.822.051.936	417.498.613.768	9.854.869.197	2.317.667.649	468.493.202.550
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	13.554.898.877	98.649.213.010	3.164.578.947	330.919.468	115.699.610.302
Khấu hao trong kỳ	1.557.303.066	16.930.548.633	505.200.638	182.988.350	19.176.040.687
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	26.400.383	535.450.726	-	40.511.353	602.362.462
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	601.425.460	2.127.271.183	-	61.135.677	2.789.832.320
Thanh lý	-	(189.000.000)	(750.650.310)	-	(939.650.310)
Xóa sổ	-	(287.204.128)	-	-	(287.204.128)
Số dư cuối kỳ	15.740.027.786	117.766.279.424	2.919.129.275	615.554.848	137.040.991.333
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	22.584.604.201	210.100.428.057	8.743.345.995	1.670.502.636	243.098.880.889
Số dư cuối kỳ	23.082.024.150	299.732.334.344	6.935.739.922	1.702.112.801	331.452.211.217

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.362 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.641 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 312.847 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 224.753 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	10.678.174.439	502.700.000	11.180.874.439
Tăng trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn (*)	(10.620.023.839)	36.379.934	(10.583.643.905)
Số dư cuối kỳ	58.150.600	579.079.934	637.230.534
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.047.567.617	251.349.991	1.298.917.608
Khấu hao trong kỳ	70.775.568	54.765.965	125.541.533
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn (*)	(1.118.343.185)	14.147.748	(1.104.195.437)
Số dư cuối kỳ	-	320.263.704	320.263.704
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.630.606.822	251.350.009	9.881.956.831
Số dư cuối kỳ	58.150.600	258.816.230	316.966.830

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, không có tài sản cố định vô hình (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.843 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí đất trả trước trong chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	250.226.187.190	54.501.729.878
Tăng trong kỳ	95.404.851.348	250.752.729.280
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(105.581.372.542)	(55.028.271.968)
Chuyển sang Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	(230.383.897.177)	-
Số dư cuối kỳ	9.665.768.819	250.226.187.190

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 2.670 triệu VND (2013: 964 triệu VND).

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014				31/12/2013			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty con:								
▪ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (a)	736.195	62,92%	62,92%	15.278.135.340	736.195	62,92%	62,92%	15.278.135.340
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (b)	1.619.198	51,68%	51,68%	24.128.664.847	1.619.198	51,68%	51,68%	24.128.664.847
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (c)	-	100%	100%	92.000.000.000	-	100%	100%	92.000.000.000
				131.406.800.187				131.406.800.187
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333 (d)	3.508.981	42,1%	42,1%	42.606.399.724	3.508.981	42,1%	42,1%	42.606.399.724
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (e)	8.800.000	22,56%	22,56%	136.918.628.178	6.400.000	22,98%	22,98%	112.918.628.178
				179.525.027.902				155.525.027.902
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (f)	8.050.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	116.648	0,2%	0,2%	1.401.234.798	116.648	0,2%	0,2%	1.401.234.798
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	14%	14%	4.200.000.000	420.000	14%	14%	4.200.000.000
				109.101.234.798				109.101.234.798
				(32.198.628.178)				(22.038.628.178)
				387.834.434.709				373.994.434.709

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.
- (b) Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.
- (c) Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt Điện Ninh Hòa là sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.
- (d) Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.
- (e) Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.
- (f) Tại ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty nhận được cổ tức và cổ phiếu thưởng từ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với số lượng là 1.050.000 cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 263 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 165 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	131.406.800.187	14.732.250.000
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	94.371.609.240
Chuyển sang các khoản đầu tư vào công ty con	-	22.302.940.947
Số dư cuối kỳ	131.406.800.187	131.406.800.187

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	155.525.027.902	151.488.858.905
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	24.000.000.000	26.339.109.944
Chuyển sang các khoản đầu tư vào công ty con	-	(22.302.940.947)
Số dư cuối kỳ	179.525.027.902	155.525.027.902

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	109.101.234.798	104.317.994.798
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	4.783.240.000
Số dư cuối kỳ	109.101.234.798	109.101.234.798

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	22.038.628.178	12.918.715.308
Tăng dự phòng trong kỳ	10.160.000.000	9.119.912.870
Số dư cuối kỳ	32.198.628.178	22.038.628.178

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	4.750.604.669	4.750.604.669
Tăng trong kỳ	-	164.821.274	164.821.274
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định vô hình (*)	9.501.680.654	(22.232.186)	9.479.448.468
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(887.286.479)	(887.286.479)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(19.000.000)	(19.000.000)
Phân bổ trong kỳ	(112.008.554)	(716.681.816)	(828.690.370)
Số dư cuối kỳ	9.389.672.100	3.270.225.462	12.659.897.562

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định vô hình trong kỳ (Thuyết minh 10).

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	680.795.321.740	558.379.780.311
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	30.604.857.872	20.346.565.296
	711.400.179.612	578.726.345.607

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	6%	38.500.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (b)	VND	6,5% - 6,7%	98.977.820.885	11.950.000.000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VND	6,3%	36.600.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	7,5%	30.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (e)	VND	6,5%	77.557.681.782	18.195.123.278
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	6,4 - 6,8%	132.552.257.824	133.234.657.033
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (g)	VND	4,5%	20.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust (h)	VND	6,5%	21.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	5% - 5,5%	199.707.561.249	235.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (j)	VND	6,5%	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương (k)	VND	6,8%	10.900.000.000	-
			680.795.321.740	558.379.780.311

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.250.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không), các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 85 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 53 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10 tỷ VND) và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 72 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 167.783 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 48 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 35 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.996 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 8.743 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 70 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị là 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 40 tỷ VND).
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 16 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 22 tỷ VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang với giá trị là 21 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường 333 với giá trị là 43 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39 tỷ VND) và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 136 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 113 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 31 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không). Công ty đã thanh toán khoản vay này trong tháng 8 năm 2014.
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị là 1,4 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung với giá trị là 15 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không) và Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín với giá trị là 20 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).

15. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	381.506.925	125.008.700

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.186.882.064	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.837.096.905	5.937.792.380
Thuế thu nhập cá nhân	-	583.371.474
Các loại thuế khác	491.640	471.365.380
	18.024.470.609	6.992.529.234

17. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí bổ sung cuối vụ	19.741.466.580	-
Chi phí lãi vay	6.458.846.802	1.423.709.133
Chi phí vận chuyển	1.771.616.818	-
Phí tư vấn	1.053.725.416	230.000.000
Chi phí khác	744.398.309	35.196.302
	29.770.053.925	1.688.905.435

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	20.000.000.000	-
Phải trả cho nông dân trồng mía	4.329.806.688	-
Cổ tức phải trả	33.222.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	294.200.000	899.800.000
Phải trả khác	2.037.238.606	1.353.186.753
	59.884.242.094	5.100.983.553

(*) Công ty nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2014. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Công ty đã hoàn trả khoản ứng trước này trong tháng 7 năm 2014.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	7.151.633.551	11.830.002.684
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	6.545.222.206	9.847.768.098
Tăng khác	-	28.400.000
Hoàn nhập trong kỳ	(815.089.079)	(3.356.943.179)
Sử dụng trong kỳ	(5.314.371.218)	(11.197.594.052)
Số dư cuối kỳ	7.567.395.460	7.151.633.551

20. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	130.070.645.807	122.079.391.660
Nợ thuê tài chính	53.163.260.002	48.768.390.295
	183.233.905.809	170.847.781.955
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(30.604.857.872)	(20.346.565.296)
Hoàn trả sau 12 tháng	152.629.047.937	150.501.216.659

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam					
Khoản vay 1 (a)	VND	9%	2018	130.070.645.807	34.960.000.000
Khoản vay 2 (a)	VND	10%	2018	-	87.119.391.660
Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1 (b)	VND	11,4% - 12%	2020	53.163.260.002	48.768.390.295
				183.233.905.809	170.847.781.955

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa, được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị là 7.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.843 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.689 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.909 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 301 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 216 tỷ VND) và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 85 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: không).
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 57.797 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 51.871 triệu VND).

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	13.608.468.968	5.236.302.038	8.372.166.930
Trong vòng hai đến năm năm	45.360.458.565	11.871.790.845	33.488.667.720
Sau năm năm	12.047.490.068	745.064.716	11.302.425.352
	71.016.417.601	17.853.157.599	53.163.260.002

	31/12/2013 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	11.470.969.391	5.093.564.506	6.377.404.885
Trong vòng hai đến năm năm	43.461.501.596	13.450.184.492	30.011.317.104
Sau năm năm	13.897.390.631	1.517.722.325	12.379.668.306
	68.829.861.618	20.061.471.323	48.768.390.295

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	76.141.444.194	505.288.079.225
Phát hành cổ phiếu	303.750.000.000	(201.880.000)	-	-	-	303.548.120.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	78.384.453.988	78.384.453.988
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	7.838.445.399	3.919.222.699	(11.757.668.098)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.847.768.098)	(9.847.768.098)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(45.562.500.000)	(45.562.500.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.167.328.294
Tăng khác	-	33.000.000	-	-	-	33.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	55.452.222.060	55.452.222.060
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	(5.545.222.206)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(6.545.222.206)	(6.545.222.206)
Phân bổ vào quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(1.109.044.441)	(1.109.044.441)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	103.407.727.451	853.438.372.786

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	60.750.000	607.500.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	30.375.000	303.750.000.000
Số dư cuối kỳ	60.750.000	607.500.000.000	60.750.000	607.500.000.000

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	12.132.550.000	12.334.430.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	(201.880.000)
Tăng khác	33.000.000	-
Số dư cuối kỳ	12.165.550.000	12.132.550.000

23. Cổ tức

Cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 27 tháng 6 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 30.375 triệu VND (2013: 45.563 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****24. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	494.496.644.020	853.692.987.824
▪ Mật	54.719.508.268	39.692.044.461
▪ Mía giống	1.431.859.000	4.358.743.200
▪ Điện	544.752.959	2.403.826.360
▪ Bùn, tro, bã	11.189.372.584	9.495.149.735
▪ Phân bón	65.580.738.160	98.294.178.272
▪ Thuốc trừ sâu	5.432.762.136	6.191.299.272
▪ Khác	1.687.668.216	1.914.933.813
	635.083.305.343	1.016.043.162.937
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(845.861.355)
	-	(845.861.355)
Doanh thu thuần	635.083.305.343	1.015.197.301.582

25. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	380.195.762.766	700.158.945.273
▪ Mật	54.719.508.268	43.164.106.516
▪ Mía giống	1.555.508.458	5.003.804.700
▪ Điện	518.838.209	2.403.826.360
▪ Bùn, tro, bã	9.053.106.917	7.447.632.262
▪ Phân bón	63.141.520.152	94.233.901.414
▪ Thuốc trừ sâu	4.972.601.207	5.739.988.518
▪ Khác	1.699.947.321	1.777.088.634
	515.856.793.298	859.929.293.677

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	2.857.648.211	11.469.184.865
Thu nhập cổ tức	-	16.756.933.397
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	2.587.903.456	3.532.970.253
Lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	2.139.597.222	-
Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay	1.689.213.333	-
Lãi do thanh toán chậm	5.972.971.373	1.400.675.401
Lãi từ khoản ứng trước để mua hàng hóa	907.309.499	-
Lãi từ thu nhập cổ tức	254.050.223	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.971.343	654.036.473
	16.417.664.660	33.813.800.389

27. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	24.570.492.372	30.746.293.807
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	10.160.000.000	9.119.912.870
Chi phí tài chính khác	484.804.264	1.133.992.189
	35.215.296.636	41.000.198.866

28. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	-	1.065.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.500.000.000	38.139.167.045
Thu nhập từ bán mía giống	382.895.000	596.466.666
Tiền bồi thường nhận được	-	1.775.000.000
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	144.900.000	1.904.601.740
Thu nhập khác	1.182.357.821	1.847.076.364
	4.210.152.821	45.327.311.815

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****29. Chi phí khác**

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.007.950.890	32.774.750.631
Giá vốn của vật tư thanh lý	119.406.484	997.222.898
Chi phí trồng mía giống	223.232.039	751.082.702
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	-	784.009.615
Phạt vi phạm hành chính	-	49.150.079
Chi phí khác	200.261.334	533.001.833
	3.550.850.747	35.889.217.758

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.816.003.765	20.981.126.199

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	71.268.225.825	99.365.580.187
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.679.009.682	24.841.395.047
Chi phí không được khấu trừ thuế	136.994.083	328.964.501
Thu nhập không chịu thuế	-	(4.189.233.349)
	15.816.003.765	20.981.126.199

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuần về cổ đông phổ thông là 55.452.222.060 VND (2013: 78.384.453.988 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (2013: 31.789.726), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	55.452.222.060	78.384.453.988
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	55.452.222.060	78.384.453.988

(ii) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 Số cổ phiếu	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	60.750.000	30.375.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013	-	1.414.726
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	60.750.000	31.789.726

32. Các công cụ tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	19.899.439.704	318.479.588.840
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)	22.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay (iii)	1.200.000.000	50.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iv)	657.360.388.570	16.139.013.005
Trả trước cho người bán (v)	124.590.375.278	167.788.335.670
	825.050.203.552	572.406.937.515

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn liên quan đến một khoản cho công ty con vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản cho vay này và không cho rằng công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong hạn	308.832.759.294	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	122.355.886.378	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	226.171.742.898	16.139.013.005
	657.360.388.570	16.139.013.005

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(v) Trả trước cho người bán**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được căn trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong hạn	124.208.592.054	166.470.760.983
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	545.310.245	-
Quá hạn trên 180 ngày	162.149.339	1.598.960.289
	124.916.051.638	168.069.721.272

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	281.385.602	326.198.329
Tăng dự phòng trong kỳ	44.290.758	-
Hoàn nhập	-	(44.812.727)
Số dư cuối kỳ	325.676.360	281.385.602

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	680.795.321.740	689.666.474.545	689.666.474.545	-	-	-
Phải trả người bán	77.650.872.646	77.650.872.646	77.650.872.646	-	-	-
Phải trả người lao động	10.851.139.921	10.851.139.921	10.851.139.921	-	-	-
Phải trả khác	59.884.242.094	59.884.242.094	59.884.242.094	-	-	-
Chi phí phải trả	29.770.053.925	29.770.053.925	29.770.053.925	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	183.233.905.809	224.960.765.331	54.240.243.389	50.618.211.229	108.054.820.645	12.047.490.068
	1.042.185.536.135	1.092.783.548.462	922.063.026.520	50.618.211.229	108.054.820.645	12.047.490.068

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngân hàng	558.379.780.311	567.067.865.423	567.067.865.423	-	-	-
Phải trả người bán	63.895.514.658	63.895.514.658	63.895.514.658	-	-	-
Phải trả người lao động	7.904.591.100	7.904.591.100	7.904.591.100	-	-	-
Chi phí phải trả	5.100.983.553	5.100.983.553	5.100.983.553	-	-	-
Phải trả khác	1.688.905.435	1.688.905.435	1.688.905.435	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay và nợ dài hạn	170.847.781.955	237.933.786.598	37.024.091.458	41.213.183.191	101.401.260.305	58.295.251.644
	807.817.557.012	883.591.646.767	682.681.951.627	41.213.183.191	101.401.260.305	58.295.251.644

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 547 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	305.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	70.000.000.000
Trả trước cho người bán	124.590.375.278	167.788.335.670
Vay ngắn hạn	-	(80.000.000.000)
Phải trả khác	(20.000.000.000)	-
	127.790.375.278	462.788.335.670
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	19.899.439.704	13.479.588.840
Phải thu khách hàng	297.242.853.270	-
Vay ngắn hạn	(680.795.321.740)	(478.379.780.311)
Vay dài hạn	(183.233.905.809)	(170.847.781.955)
	(546.886.934.575)	(635.747.973.426)

Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 4,3 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4,2 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.932.166.208	318.718.104.135
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	70.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	657.360.388.570	16.139.013.005
- Trả trước cho người bán	124.590.375.278	167.788.335.670
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	109.101.234.798	109.101.234.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	137.535.114.740	68.996.498.211
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	40.621.193.846	9.593.496.535
- Các khoản vay và nợ	864.029.227.549	729.227.562.266

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay và nợ dài hạn

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu

		30/6/2014	
	Thuyết minh	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	1.401.234.798	1.399.776.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	(ii)	4.200.000.000	
		109.101.234.798	1.399.776.000

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

33. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Cổ tức công bố nhưng chưa thanh toán	30.375.000.000	-
Cổ tức công bố nhưng chưa nhận được	-	4.210.777.200
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	14.770.694.808	-
Tăng tài sản cố định chuyển từ tài khoản trả trước cho người bán	30.366.707.350	-
Khoản đầu tư tăng thêm được chuyển từ khoản phải thu	-	1.550.000.000
Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa nhận được	1.828.750.000	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	378.093.773.760	323.599.171.160
Mua tài sản cố định	151.191.000	1.082.312.967
Thanh lý tài sản cố định	1.900.000.000	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	-	32.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Trả nợ vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	26.666.667
Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa	-	717.692.455
Phí dịch vụ tư vấn	497.000.000	956.426.910
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn	-	441.884.000
Cổ tức đã trả	-	8.851.500.000
Lãi do thanh toán chậm	5.904.546.373	1.400.675.401
Cho vay ngắn hạn	164.000.000.000	50.000.000.000
Thu nhập lãi vay	2.126.416.666	179.736.112
Phí dịch vụ khác	297.434.114	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung		
Bán hàng hóa	1.315.039.178	4.985.998.083
Thu nhập lãi	48.108.524	115.448.910
Phí quản lý đất	66.000.000	128.907.336
Cho vay ngắn hạn	1.200.000.000	-
Mua mía nguyên liệu	3.356.181.956	-
Ứng trước mua hàng hóa	1.198.208.792	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa		
Góp vốn	-	92.000.000.000
Cho vay	-	51.900.000.000
Chi trả hộ	3.923.621.313	2.663.339.860
Thu nhập lãi từ các khoản vay	-	571.111.000
Chuyển giao tài sản cố định	287.189.097.177	-
Bán bã mía	4.601.834.624	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang		
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	-	300.000.000
Mua đường	150.870.476	320.285.714
Mua nguyên vật liệu	180.993.436	-
Thanh lý phế liệu	159.350.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Mía đường 333		
Thu nhập cổ tức	-	4.210.777.200
Lãi ứng tiền mua hàng hóa	-	209.135.267
Lãi từ cổ tức chưa nhận được	254.050.223	-
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai		
Thu nhập từ cổ tức	-	5.200.000.000
Góp vốn cổ phần	24.000.000.000	24.000.000.000
Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu	600.000.000	600.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	5.414.036.280	8.359.520.866

35. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	59.544.862.888	104.145.212.545

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	664.550.204.279	759.976.091.783
Chi phí nhân công	33.552.899.160	49.071.890.462
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.301.582.220	35.747.103.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.126.734.746	39.931.574.537
Chi phí khác	17.368.400.260	24.486.122.752

Ngày 11 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên



Trâm Kim Dung